

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Kỳ thi:

7. Số báo danh 8. Mã đề thi

Bài thi: Ngày thi:/...../ 20.....

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 1

Họ tên, chữ ký
của cán bộ coi thi 2

1. Hội đồng thi:.....

2. Điểm thi:.....

3. Phòng thi số:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

5. Ngày sinh:/...../.....(Nam/ Nữ).

6. Chữ ký của thí sinh:.....

0

0

0

0

0

0

1

1

1

1

1

1

2

2

2

2

2

2

3

3

3

3

3

3

4

4

4

4

4

4

5

5

5

5

5

5

6

6

6

6

6

6

7

7

7

7

7

7

8

8

8

8

8

8

9

9

9

9

9

9

0

0

0

1

1

1

2

2

2

3

3

3

4

4

4

5

5

5

6

6

6

7

7

7

8

8

8

9

9

9

Chú ý: Thí sinh cần đọc kỹ hướng dẫn ở mặt sau Phiếu này.

1

A

B

C

D

2

A

B

C

D

3

A

B

C

D

4

A

B

C

D

5

A

B

C

D

31

A

B

C

D

32

A

B

C

D

33

A

B

C

D

34

A

B

C

D

35

A

B

C

D

61

A

B

C

D

62

A

B

C

D

63

A

B

C

D

64

A

B

C

D

65

A

B

C

D

91

A

B

C

D

92

A

B

C

D

93

A

B

C

D

94

A

B

C

D

95

A

B

C

D

6

A

B

C

D

7

A

B

C

D

8

A

B

C

D

9

A

B

C

D

10

A

B

C

D

36

A

B

C

D

37

A

B

C

D

38

A

B

C

D

39

A

B

C

D

40

A

B

C

D

66

A

B

C

D

67

A

B

C

D

68

A

B

C

D

69

A

B

C

D

70

A

B

C

D

96

A

B

C

D

97

A

B

C

D

98

A

B

C

D

99

A

B

C

D

100

A

B

C

D

11

A

B

C

D

12

A

B

C

D

13

A

B

C

D

14

A

B

C

D

15

A

B

C

D

41

A

B

C

D

42

A

B

C

D

43

A

B

C

D

44

A

B

C

D

45

A

B

C

D

71

A

B

C

D

72

A

B

C

D

73

A

B

C

D

74

A

B

C

D

75

A

B

C

D

101

A

B

C

D

102

A

B

C

D

103

A

B

C

D

104

A

B

C

D

105

A

B

C

D

16

A

B

C

D

17

A

B

C

D

18

A

B

C

D

19

A

B

C

D

20

A

B

C

D

46

A

B

C

D

47

A

B

C

D

48

A

B

C

D

49

A

B

C

D

50

A

B

C

D

76

A

B

C

D

77

A

B

C

D

78

A

B

C

D

79

A

B

C

D

80

A

B

C

D

106

A

B

C

D

107

A

B

C

D

108

A

B

C

D

109

A

B

C

D

110

A

B

C

D

21

A

B

C

D

22

A

B

C

D

23

A

B

C

D

24

A

B

C

D

25

A

B

C

D

51

A

B

C

D

52

A

B

C

D

53

A

B

C

D

54

A

B

C

D

55

A

B

C

D

81

A

B

C

D

82

A

B

C

D

83

A

B

C

D

84

A

B

C

D

85

A

B

C

D

111

A

B

C

D

112

A

B

C

D

113

A

B

C

D

114

A

B

C

D

115

A

B

C

D

26

A

B

C

D

27

A

B

C

D

28

A

B

C

D

29

A

B

C

D

30

A

B

C

D

56

A

B

C

D

57

A

B

C

D

58

A

B

C

D

59

A

B

C

D

60

A

B

C

D

86

A

B

C

D

87

A

B

C

D

88

A

B

C

D

89

A

B

C

D

90

A

B

C

D

116

A

B

C

D

117

A

B

C

D

118

A

B

C

D

119

A

B

C

D

120

A

B

C

D

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

- 1) Thí sinh cần giữ Phiếu cho phẳng, không bôi bẩn, không làm nhàu, rách nát;
- 2) Ghi đầy đủ, rõ ràng các mục từ mục 1 đến mục 8;
- 3) Số báo danh ghi tại mục 7 là 6 chữ số cuối;
- 4) Tại mục 7 và 8, ngoài việc ghi chữ số vào ô trống, thí sinh nhất thiết phải tô kín các ô tròn trong bảng số phía dưới tương ứng với chữ số đã ghi;
- 5) Phần trả lời: Số thứ tự các phương án trả lời (A, B, C, D) là tương ứng với thứ tự câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và tô kín một ô tròn tương ứng với một phương án trả lời mà thí sinh cho là đúng;
- 6) Thí sinh không được tô vào phương án có số thứ tự không tương ứng với câu hỏi trắc nghiệm trong đề thi.